

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

SUN - SỐNG CHỦ ĐỘNG - Quyền lợi gia tăng tiết kiệm

Giải pháp tài chính an toàn, hiệu quả cho mọi mục tiêu trong hành trình cuộc sống

Bên mua bảo hiểm: A

Địa chỉ liên hệ:



- Chi trả từ 500.000.000 đồng nếu Người được bảo hiểm tử vong/Thương tật toàn bộ vĩnh viễn
- Đảm bảo gia tăng bảo vệ lên đến 750.000.000 đồng mà không cần thẩm định khi xảy ra một trong các sự kiện làm gia tăng trách nhiệm tài chính trước tuổi 56
- Tạm ứng không tính lãi trong 12 tháng khi không may bị chẩn đoán Ung thư giai đoạn cuối

- Hưởng lãi suất đảm bảo trong suốt Thời hạn bảo hiểm
- Cơ hội hưởng lợi nhuận tăng thêm từ kết quả đầu tư chuyên nghiệp
- Nhận các khoản thưởng hấp dẫn trong Thời hạn bảo hiểm



- Tận hưởng hưu trí an nhàn với dịch vụ rút tiền định kỳ tự động và hoàn toàn miễn phí
- Linh động rút tiền theo nhu cầu phát sinh và miễn phí rút cho lần đầu trong mỗi Năm hợp đồng
- Linh hoạt đóng phí và đầu tư thêm theo khả năng tài chính thực tế
- Dễ dàng thay đổi hạn mức bảo vệ theo nhu cầu

Người lập: LÂM THANH THẢO
Mã số: IQH7
Ngày lập: 16/03/2020

Chi nhánh/Văn phòng: AP
Điện thoại: 999999999
Địa chỉ Email: TEST@SUNLIFE.COM.VN



Bên mua bảo hiểm: A

Tuổi: 35

Giới tính: Nam

Đơn vị tính: đồng

Người được bảo hiểm (NDBH)	Ngày sinh	Tuổi - Giới tính	Nhóm nghề nghiệp	Sản phẩm bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (Năm) ^(*)	Phí bảo hiểm năm
A	16/03/1985	35 - Nam	2	SUN - Sống Chủ Động - Quyền lợi gia tăng tiết kiệm	500.000.000	65	16.000.000
				BH BỔ Sung - Hỗ Trợ Viện Phí	200.000	15	319.000
				BH BỔ Sung - Bệnh Hiểm Nghèo Toàn Diện	500.000.000	15	3.190.000
				BH BỔ Sung - Miễn Đóng Phí Bệnh Hiểm Nghèo	16.319.000	15	549.950

	Quý	Nửa năm	Năm
Phí bảo hiểm cơ bản (1)	4.000.000	8.000.000	16.000.000
Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (2)	1.014.738	2.029.475	4.058.950
Phí bảo hiểm định kỳ (3) = (1) + (2)	5.014.738	10.029.475	20.058.950
Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến (4)	1.500.000	3.000.000	6.000.000
Phí bảo hiểm định kỳ dự kiến = (3) + (4)	○ 6.515.000	○ 13.030.000	○ 26.059.000

Ghi chú:

(*) Thời hạn đóng phí bằng Thời hạn bảo hiểm. Tuy nhiên, Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí linh hoạt từ Năm hợp đồng thứ 4, tùy thuộc vào nhu cầu tiết kiệm và bảo vệ của mình. Việc giảm/tạm ngưng đóng phí hoặc rút từ Giá trị tài khoản có thể dẫn đến hợp đồng mất hiệu lực do Giá trị tài khoản không đủ khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả	Ghi chú
Người được bảo hiểm: A			
SUN - Sống Chủ Động	Tử vong	Giá trị lớn hơn giữa 500.000.000 đồng và Giá trị tài khoản.	
	Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTBVV)	Giá trị lớn hơn giữa 500.000.000 đồng và Giá trị tài khoản.	Nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn trong thời gian hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau ngày sinh nhật lần thứ 66 của Người được bảo hiểm.
	Ung thư giai đoạn cuối	Tạm ứng không tính lãi lên đến 50% Giá trị tài khoản, nhưng không vượt quá 500.000.000 đồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài khoản bao gồm phần tạm ứng vẫn sẽ được tích lũy lãi trong 12 tháng kể từ ngày tạm ứng. - Không khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro trong 12 tháng kể từ Ngày kỷ niệm hàng tháng ngay sau ngày tạm ứng. - Khoản tạm ứng sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản nếu Người được bảo hiểm còn sống sau 12 tháng, hoặc Quyền lợi tử vong/Thương tật toàn bộ vĩnh viễn nếu Người được bảo hiểm tử vong/bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn trong 12 tháng kể từ ngày nhận tạm ứng.

Sản phẩm bảo hiểm	Sự kiện bảo hiểm	Giá trị chi trả	Ghi chú
Người được bảo hiểm: A			
BH Bỏ Sung - Hỗ Trợ Viện Phí	Nằm viện (*)	200.000 /Ngày nằm viện	- Tối đa 120 ngày/năm và không quá 1000 ngày trong suốt Thời hạn bảo hiểm. - QL Hỗ trợ chi phí nằm viện chỉ được chi trả khi NĐBH nằm viện từ 3 ngày trở lên cho mỗi lần nằm viện.
	Điều trị tại Khoa chăm sóc đặc biệt (*)	400.000 /Ngày nằm viện	- Tối đa 45 ngày/năm và không quá 400 ngày trong suốt Thời hạn bảo hiểm.
	Phẫu thuật (*)	1.000.000 /Lần phẫu thuật	- Tối đa 5 lần phẫu thuật/năm và không quá 50 lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm.
BH Bỏ Sung - Bệnh Hiểm Nghèo Toàn Diện	Bị chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu (***)	125.000.000	Tổng QL bảo hiểm chi trả cho Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu của tất cả các hợp đồng bảo hiểm tại Công ty cho một NĐBH không vượt quá 500 triệu đồng.
	Bị chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo (***)	500.000.000	
	Bị chẩn đoán mắc Biến chứng tiểu đường (***)	125.000.000	Tổng QL bảo hiểm chi trả cho Biến chứng tiểu đường của tất cả các hợp đồng bảo hiểm tại Công ty cho một NĐBH không vượt quá 250 triệu đồng.
BH Bỏ Sung - Miễn Đóng Phí Bệnh Hiểm Nghèo	Bị chẩn đoán mắc Bệnh hiểm nghèo (***)	Miễn đóng phí Hợp đồng bảo hiểm (không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, nếu có) cho đến hết Thời hạn bảo hiểm của SPBS này	

Ghi chú:

(*) Thời hạn hoãn áp dụng bảo hiểm là 30 ngày đối với các bệnh thông thường và 90 ngày đối với các bệnh đặc biệt kể từ ngày bảo hiểm bổ sung này có hiệu lực hoặc ngày khôi phục Hợp đồng bảo hiểm gần nhất. Vui lòng tham khảo chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản SPBS này.

(**) Quyền lợi được chi trả với điều kiện: Người được bảo hiểm còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày bệnh được chẩn đoán; và bệnh được chẩn đoán xác định sau 90 ngày kể từ ngày SPBS này có hiệu lực hoặc Ngày khôi phục Hợp đồng bảo hiểm gần nhất (nếu có); và không thuộc các trường hợp loại trừ được quy định tại Quy tắc và Điều khoản SPBS này.

DANH SÁCH BỆNH ĐƯỢC BẢO HIỂM CỦA BHBS - BỆNH HIỂM NGHÈO TOÀN DIỆN

Danh sách Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu

I. Áp dụng khi NDBH có Tuổi hiện tại từ 30 ngày - 17

1. Sốt thấp khớp có biến chứng van tim
2. Hội chứng thận hư tái phát thể nặng
3. Động kinh nặng

II. Áp dụng khi NDBH có Tuổi hiện tại từ 18 - 75

<ol style="list-style-type: none"> 1. Ung thư giai đoạn đầu/Ung thư biểu mô tại chỗ 2. Tạo hình mạch máu và các phương pháp điều trị xâm lấn khác đối với bệnh động mạch vành 3. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ 4. Cấy máy tạo nhịp tim/Cấy máy khử rung tim 	<ol style="list-style-type: none"> 5. Phẫu thuật cắt bỏ một bên thận/Suy thận cấp 6. Đặt lưu dẫn não thất 7. Phẫu thuật Phình mạch máu não/ Dị dạng mạch máu não (AVM) 8. Phẫu thuật cắt u tuyến yên 9. Xơ gan 10. Ghép ruột non 	<ol style="list-style-type: none"> 11. Phẫu thuật gan 12. Ghép giác mạc 13. Phẫu thuật điều trị Viêm màng ngoài tim có thất 14. Phẫu thuật cắt một bên phổi 15. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu 16. Phẫu thuật huyết khối xoang hang 17. U tủy thượng thận
--	--	--

III. Áp dụng cho NDBH có Tuổi hiện tại từ 65 - 75

1. Gãy cột sống do Tai nạn
2. Đột quỵ có chỉ định phẫu thuật cắt bỏ nội mạc động mạch cảnh
3. Phẫu thuật cắt bỏ khối u màng não tủy

Danh sách Biến chứng tiểu đường

1. Cắt cụt chi thứ phát do tiểu đường
2. Phẫu thuật Laser quang đông điều trị bệnh võng mạc do tiểu đường
3. Bệnh thận do tiểu đường

DANH SÁCH BỆNH ĐƯỢC BẢO HIỂM CỦA BHBS - BỆNH HIỂM NGHÈO TOÀN DIỆN VÀ BHBS - MIỄN ĐÓNG PHÍ BỆNH HIỂM NGHÈO

Danh sách Bệnh hiểm nghèo		
I. Áp dụng khi NDBH có Tuổi hiện tại từ 30 ngày - 75		
1. Bệnh Alzheimer 2. Phẫu thuật động mạch chủ 3. Bệnh thiếu máu bất sản 4. Viêm màng não do vi khuẩn 5. U não lành tính 6. Mất thị lực 7. Cấy ghép tủy xương 8. Phẫu thuật sọ não 9. Bệnh cơ tim 10. Hôn mê 11. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 12. Mất thính lực 13. Viêm não 14. Bệnh suy gan giai đoạn cuối 15. Bệnh phổi giai đoạn cuối 16. Viêm gan siêu vi tối cấp 17. Bệnh nhồi máu cơ tim 18. Phẫu thuật thay thế van tim	19. Suy thận giai đoạn cuối 20. Mất các chi 21. Mất khả năng phát âm 22. Bỏng nặng 23. Ung thư đe dọa tính mạng 24. Chấn thương sọ não nghiêm trọng 25. Ghép nội tạng chính 26. Bệnh nang tủy thận 27. Bệnh tế bào thần kinh vận động 28. Bệnh đa xơ cứng 29. Bệnh teo cơ 30. Liệt 31. Bệnh Parkinson 32. Bệnh bại liệt 33. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát 34. Viêm đa khớp dạng thấp nặng 35. Đột quy	36. Bệnh Lupus đỏ hệ thống có biến chứng viêm thận do Lupus 37. Bệnh nặng giai đoạn cuối 38. Bệnh Creutzfeldt-Jacob (bệnh bò điên) 39. Viêm tụy mạn tính tái phát 40. Nhiễm HIV do truyền máu 41. Nhiễm HIV do nghề nghiệp 42. Tổn thương đám rối thần kinh cánh tay 43. Bệnh phù chân voi 44. Hội chứng Apallic / Trạng thái thực vật 45. Sốt xuất huyết Ebola 46. Suy tuyến thượng thận mạn tính / Bệnh Addison 47. Bệnh Crohn có đường rò 48. Viêm cân mạc hoại tử 49. Xơ cứng bì tiến triển 50. Liệt trên nhân tiến triển 51. Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis)
II. Áp dụng khi NDBH có Tuổi hiện tại từ 30 ngày - 17		
1. Phẫu thuật tim 2. Bệnh tiểu đường tuýp 1	3. Bệnh Kawasaki với biến chứng tim mạch 4. Bệnh Still (bao gồm Viêm khớp dạng thấp ở trẻ vị thành niên)	5. Phẫu thuật Vẹo cột sống tự phát 6. Suy giảm trí tuệ nghiêm trọng do bệnh tật hoặc tai nạn

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm theo định kỳ năm (1)	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Các khoản thưởng (2)	Giá trị với lãi suất đảm bảo (3)			Giá trị với lãi suất 6,5%/năm (5)			Rút từ Giá trị tài khoản (6)
				Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	
1/35	26.059	26.059		9.303	-	500.000	9.430	-	500.000	
2/36	26.059	52.118		19.952	3.952	500.000	20.420	4.420	500.000	
3/37	26.059	78.177		34.199	18.199	500.000	35.459	19.459	500.000	
4/38	26.059	104.236		55.531	41.131	500.000	58.152	43.752	500.000	
5/39	26.059	130.295	1.600	79.255	65.655	500.000	83.862	70.262	500.000	
6/40	26.059	156.354		101.492	88.692	500.000	109.777	96.977	500.000	
7/41	26.059	182.413		124.340	113.140	500.000	137.335	126.135	500.000	
8/42	26.059	208.472		147.824	139.824	500.000	166.657	158.657	500.000	
9/43	26.059	234.531		171.969	167.169	500.000	197.874	193.074	500.000	
10/44	26.059	260.590	12.000	208.808	208.808	500.000	243.130	243.130	500.000	
11/45	26.059	286.648	320	233.713	233.713	500.000	280.638	280.638	500.000	
12/46	26.059	312.707	320	259.115	259.115	500.000	320.671	320.671	500.000	
13/47	26.059	338.766	320	285.042	285.042	500.000	363.435	363.435	500.000	
14/48	26.059	364.825	320	311.527	311.527	500.000	409.161	409.161	500.000	
15/49	26.059	390.884	24.320	362.621	362.621	500.000	482.120	482.120	500.000	
16/50		390.884		368.191	368.191	500.000	512.667	512.667	512.667	
17/51		390.884		373.829	373.829	500.000	545.246	545.246	545.246	
18/52		390.884		379.537	379.537	500.000	579.941	579.941	579.941	
19/53		390.884		385.312	385.312	500.000	616.893	616.893	616.893	
20/54		390.884		391.156	391.156	500.000	656.245	656.245	656.245	
21/55		390.884		395.115	395.115	500.000	698.156	698.156	698.156	
25/59		390.884		410.945	410.945	500.000	894.871	894.871	894.871	
26/60		390.884		414.905	414.905	500.000	952.292	952.292	952.292	
30/64		390.884		430.667	430.667	500.000	1.221.808	1.221.808	1.221.808	
31/65		390.884		434.587	434.587	500.000	1.300.480	1.300.480	1.300.480	
36/70		390.884		454.436	454.436	500.000	1.777.529	1.777.529	1.777.529	
41/75		390.884		475.792	475.792	500.000	2.431.126	2.431.126	2.431.126	
46/80		390.884		503.858	503.858	503.858	3.326.611	3.326.611	3.326.611	
51/85		390.884		539.058	539.058	539.058	4.553.503	4.553.503	4.553.503	
56/90		390.884		576.979	576.979	576.979	6.234.451	6.234.451	6.234.451	

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ SUN LIFE VIỆT NAM (SUN LIFE VIỆT NAM)

Website: www.sunlife.com.vn / Email: dichvu.khachhang@sunlife.com / Hotline: 1800 1786

Phiên bản: 20191122

16/03/2020 16:14:00

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm theo định kỳ năm (1)	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Các khoản thưởng (2)	Giá trị với lãi suất đảm bảo (3)			Giá trị với lãi suất 6,5%/năm (5)			Rút từ Giá trị tài khoản (6)
				Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại (4)	Quyền lợi Tử vong /TTTBVV	
61/95		390.884		617.831	617.831	617.831	8.537.496	8.537.496	8.537.496	
65/99		390.884		652.774	652.774	652.774	10.979.917	10.979.917	10.979.917	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) và Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung (nếu có).
- (2) Bao gồm Thương duy trì hợp đồng và Thương đồng hành:

Thương duy trì hợp đồng: một khoản thưởng theo tỷ lệ % Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm sẽ được tích lũy ngay vào Giá trị tài khoản vào Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5, 10, 15, 20, 25 và 30 như bảng dưới đây nếu trong khoảng thời gian xét thưởng, Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ hàng năm và các khoản rút từ Giá trị tài khoản không vượt quá Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm. Khoảng thời gian xét thưởng là mỗi 5 Năm hợp đồng, bắt đầu từ Năm hợp đồng thứ 1, 6, 11, 16, 21 và 26.

Ngày kỷ niệm hợp đồng	Lần thứ 5	Lần thứ 10	Lần thứ 15	Lần thứ 20	Lần thứ 25	Lần thứ 30
Thương duy trì hợp đồng (% của Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm)	10%	75%	150%	200%	200%	200%

Thương đồng hành: Kể từ Năm hợp đồng thứ 11, vào cuối mỗi Năm hợp đồng, 2% của tổng các khoản Phí bảo hiểm cơ bản đã đóng trong Năm hợp đồng đó sẽ được tích lũy vào Giá trị tài khoản nếu Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ hàng năm từ Năm hợp đồng thứ 6 đến Năm hợp đồng thứ 10 và Bên mua bảo hiểm không rút từ Giá trị tài khoản trong Năm hợp đồng liền kề trước đó.

- (3) Lãi suất đảm bảo được quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1 - 2	3 - 5	6 - 10	11 - 20	21+
Lãi suất đảm bảo hàng năm	4,5%	4%	3%	2%	1,5%

- (4) Giá trị hoàn lại được xác định tại cuối mỗi Năm hợp đồng và là số tiền mà Bên mua bảo hiểm nhận được nếu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn hoặc tại Ngày đáo hạn hợp đồng.
- (5) Lãi suất minh họa không vượt quá trung bình các mức lãi suất tích lũy công bố trong 60 tháng gần nhất.
- (6) Số tiền rút đã bao gồm Phí rút từ Giá trị tài khoản (nếu có). Kể từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi và sau khi Người được bảo hiểm đạt 65 tuổi, khách hàng có thể yêu cầu Rút tiền định kỳ tự động.

1. Phí ban đầu:

Khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm thu được tại mỗi lần đóng phí trước khi được phân bổ vào Giá trị tài khoản. Phí ban đầu được khấu trừ theo tỷ lệ sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4 - 5	6 - 10	11 +
Phí bảo hiểm cơ bản	70%	64%	44%	4,5%	4,5%	0%
Phí bảo hiểm đóng thêm	5%	5%	5%	5%	2%	0%

2. Phí bảo hiểm rủi ro

Khoản phí được khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả các quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo hợp đồng.

3. Phí quản lý hợp đồng

Khoản phí được khấu trừ hàng tháng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng bằng 32.000 đồng/tháng trong năm 2019 và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng/tháng.

4. Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung.

Phí quản lý quỹ không vượt quá 2%/năm và sẽ được khấu trừ trước khi công bố lãi suất tích lũy.

5. Phí hủy hợp đồng trước hạn

Khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi hủy hợp đồng trước hạn. Phí hủy hợp đồng trước hạn được tính trên tỷ lệ % của Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7	8	9	10 +
% Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm	100%	90%	85%	80%	70%	50%	30%	0%

6. Phí rút từ Giá trị tài khoản

Khoản phí mà Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút một phần từ Giá trị tài khoản trong các Năm hợp đồng 4-9. Trong mỗi Năm hợp đồng:

- Trong lần rút đầu tiên,

+ Số tiền rút \leq 20% Giá trị hoàn lại: miễn Phí rút từ Giá trị tài khoản.

+ Số tiền rút $>$ 20% Giá trị hoàn lại: Phí rút từ Giá trị tài khoản bằng 2% của số tiền vượt quá 20% Giá trị hoàn lại, nhưng không thấp hơn 100.000 đồng.

- Từ lần rút thứ 2 trở đi, Phí rút từ Giá trị tài khoản bằng 2% của số tiền rút, nhưng không thấp hơn 100.000 đồng.

- Từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi: miễn Phí rút từ Giá trị tài khoản.

Lưu ý: Các khoản phí nêu trên không được bảo đảm và có thể thay đổi theo phê duyệt của Bộ Tài chính.

BẢNG TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm được phân bổ	Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính (*)	Khấu trừ phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung
1/35	16.000	6.000	4.059	11.500	14.559	412	1.071	4.059
2/36	16.000	6.000	4.059	10.540	15.519	436	1.121	4.059
3/37	16.000	6.000	4.059	7.340	18.719	460	1.168	4.059
4/38	16.000	6.000	4.059	1.020	25.039	484	1.201	4.059
5/39	16.000	6.000	4.059	1.020	25.039	508	1.236	4.059
6/40	16.000	6.000	4.059	840	25.219	532	1.268	4.059
7/41	16.000	6.000	4.059	840	25.219	556	1.300	4.059
8/42	16.000	6.000	4.059	840	25.219	580	1.325	4.059
9/43	16.000	6.000	4.059	840	25.219	604	1.343	4.059
10/44	16.000	6.000	4.059	840	25.219	628	1.349	4.059
11/45	16.000	6.000	4.059	-	26.059	652	1.285	4.059
12/46	16.000	6.000	4.059	-	26.059	676	1.262	4.059
13/47	16.000	6.000	4.059	-	26.059	700	1.222	4.059
14/48	16.000	6.000	4.059	-	26.059	720	1.163	4.059
15/49	16.000	6.000	4.059	-	26.059	720	1.085	4.059
16/50	-	-	-	-	-	720	944	-
17/51	-	-	-	-	-	720	987	-
18/52	-	-	-	-	-	720	1.030	-
19/53	-	-	-	-	-	720	1.076	-
20/54	-	-	-	-	-	720	1.122	-
21/55	-	-	-	-	-	720	1.174	-

BẢNG TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ (tiếp theo)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ năm	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung theo định kỳ năm	Phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm được phân bổ	Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính (*)	Khấu trừ phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung
26/60	-	-	-	-	-	720	1.467	-
31/65	-	-	-	-	-	720	1.800	-
36/70	-	-	-	-	-	720	1.979	-
41/75	-	-	-	-	-	720	1.799	-
46/80	-	-	-	-	-	720	78	-
51/85	-	-	-	-	-	720	-	-
56/90	-	-	-	-	-	720	-	-
61/95	-	-	-	-	-	720	-	-
65/99	-	-	-	-	-	720	-	-

*Dựa trên mức lãi suất đảm bảo

Tôi, **Bên mua bảo hiểm**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, cam kết rằng đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với những nội dung đề cập sau đây:

1. Tôi đã được Tư vấn Tài chính của Sun Life Việt Nam giải thích rõ về Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, các quyền lợi bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm của sản phẩm SUN - Sống Chủ Động và các sản phẩm bổ sung (nếu có).
2. Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức chuẩn và Phí bảo hiểm được đóng theo định kỳ năm. Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu Tư vấn Tài chính cung cấp Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm theo định kỳ đóng phí thực tế lựa chọn.
3. Giá trị tài khoản thực tế của Hợp đồng bảo hiểm tùy thuộc vào mức lãi suất thực tế, phí bảo hiểm thực đóng, định kỳ đóng phí thực tế, số tiền rút thực tế, Phí bảo hiểm rủi ro thực tế và có thể cao hơn hoặc thấp hơn Giá trị tài khoản được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này.
4. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực khi Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.
5. Trong trường hợp được sự chấp thuận của Bộ Tài chính, Sun Life Việt Nam có thể thay đổi mức phí của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ sung, mức phí mới chỉ được áp dụng vào Ngày kỷ niệm hợp đồng và Sun Life Việt Nam sẽ thông báo trước 03 tháng cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản.
6. Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang và không được xem như là Hợp đồng bảo hiểm hay đề nghị giao kết hợp đồng.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Bên mua bảo hiểm (viết bằng chữ thường)]

Tôi, **Tư vấn Tài chính**, ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này, cam kết rằng đã phân tích nhu cầu tài chính, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp và giải thích Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này với Bên mua bảo hiểm một cách đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và trung thực. Tôi xác nhận chữ ký trên đây được ký trước sự chứng kiến của tôi và theo sự hiểu biết của tôi đó là chữ ký của Bên mua bảo hiểm.

Ngày..... Tháng..... Năm.....

[Họ và tên Tư vấn tài chính (viết bằng chữ thường)]